TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/DS-PT
Ngày: 17 - 3 – 2020
V/v hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Nguyễn Thành Lập

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp về việc"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2020/QĐPT-DS ngày 07tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty N.

Địa chỉ: Số 108, đường s, khu d, đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh S ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Cẩm L1, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ÔngVõ Văn X, sinh năm 1974,là Phó giám đốc Công ty N (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2020, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T – Là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty N trình bày:*

Vào tháng 6/2016, Công ty N với ông Nguyễn Văn L2 có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng Công ty N sẽ cung cấp các loại thuốc thủy sản cho ông Nguyễn Văn L2. Ngày 24/6/2016, ông L2 có đặt toa hàng đầu tiên với Công ty N và đặt hàng kéo dài cho đến ngày 01/5/2017 với tổng số tiền là 144.835.000 đồng, cộng thêm khoản tiền vận chuyển Công ty thanh toán thay cho Đại lý Út Lập là 810.000 đồng. Ngày 24/01/2017, ông Nguyễn Trung T là con ông Nguyễn Văn L2 có chuyển khoản trả cho Công ty số tiền là 20.000.000 đồng để trừ vào số nợ. Sau đó ông L2 có chuyển trả một số hàng cho Công ty với tổng giá trị tiền hàng là 58.975.000 đồng được trừ vào tổng công nợ. Vì vậy, tính đến thời điểm hiện tại ông Nguyễn Văn L2 còn nợ Công ty N số tiền là 66.670.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại thì ông L2 không còn đặt hàng của Công ty. Công ty có liên hệ làm việc với ông L2 về số tiền còn nợ thì ông L2 cho rằng đã giao cho ông T quản lý công nợ nên yêu cầu Công ty liên hệ làm việc với ông Nguyễn Trung T. Đến ngày 18/01/2018 Giám đốc Công ty N (bà Huỳnh Cẩm L1) có gọi điện trực tiếp cho ông T để thông báo số nợ và yêu cầu cho ông T thời gian trả cụ thể nhưng ông T chỉ nói chung chung khi nào xổ tôm trúng thì trả, Công ty vẫn đồng ý cho ông T thời gian. Do thời gian quá lâu nên ngày 21/6/2018, Giám đốc Công ty N (bà Huỳnh Cẩm L1) tiếp tục gọi điện cho ông T để thông báo về khoản nợ nhưng ông T vẫn tiếp tục hứa và không có ý định thanh toán dứt điểm. Công ty đã thể hiện thành ý khi thông báo nếu phía ông L2 thanh toán dứt điểm 01 lần hết số nợ thì Công ty sẽ trừ tiền sản lượng năm cho ông chỉ còn 56.670.000 đồng. Tuy nhiên, ông L2 đã trì trệ kéo dài việc thanh toán dẫn đến việc Công ty khởi kiện. Vì vậy Công ty sẽ không trừ tiền sản lượng cho ông L2 và số nợ mà ông Nguyễn Văn L2 còn nợ Công ty N tính đến thời điểm hiện tại là 66.670.000 đồng. Vì vậy, Công ty N yêu cầu ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T trả số tiền còn nợ là 66.670.000 đồng. Ngoài ra ông L2, ông T còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật tính từ ngày 02/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 06 tháng 25 ngày tương ứng với số tiền là 17.070.355 đồng trên tổng số tiền nợ gốc. Như vậy, Công ty N yêu cầu ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 27/11/2019 là 83.740.355 đồng.

- *Ông Nguyễn Văn L2 trình bày:*

Sự việc mà Công ty N trình bày là hoàn toàn không đúng. Ông không có thực hiện hợp đồng mua bán đối với Công ty N. Sự việc mua bán thế nào ông không biết, ông không liên quan đến việc mua bán với Công ty N. Việc ông Nguyễn Trung T (con trai ông) có thực hiện hợp đồng mua bán với Công ty N hay không thì ông không rõ. Ông không đồng ý trả toàn bộ số nợ như Công ty N yêu cầu.

- *Ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của cha ông là ông Nguyễn Văn L2, ông không có giao dịch mua bán gì với Công ty N. Ông thừa nhận giọng nói người nam trong 02 đoạn ghi âm cuộc gọi mà bà Huỳnh Cẩm L1 cung cấp là của ông. Tuy nhiên, ông cho rằng ông chỉ giao dịch với ông Xuân (chồng bà L1) và giao dịch xuất phát từ Công ty khác chứ không phải Công ty N nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của người đại diện của Công ty N. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty N. Buộc ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T trả cho Công ty N số tiền còn nợ là 83.740.355 đồng (tám mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11-12-2019, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, ông L2 xác định ông không liên quan gì đến giao dịch với Công ty N; ông T xác định chỉ nợ ông Xuân khoản 25.000.000 đồng tiền ký gửi bán hàng, nên chỉ đồng ý trả 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:*Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, ông L2; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Việc Công ty N với ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T có tranh chấp về hợp đồng mua bán thuốc thủy sản là thực tế có xảy ra. Khi thỏa thuận mua bán, giữa Công ty N và ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T không có lập thành văn bản, hợp đồng mà chỉ qua lời nói. Xét thấy, đây là thỏa thuận bằng lời nói cũng được xem là giao dịch hợp đồng. Ngày 24/6/2016, ông L2 có đặt toa hàng đầu tiên với Công ty và đặt hàng kéo dài cho đến ngày 01/5/2017 với tổng số tiền nợ là 144.835.000 đồng; tiền chi phí vận chuyển Công ty thanh toán thay cho ông L2, ông T là 810.000 đồng. Vào ngày 24/01/2017, ông Nguyễn Trung T là con ông Nguyễn Văn L2 có chuyển khoản trả cho Công ty số tiền là 20.000.000 đồng để trừ vào số nợ. Sau đó, ông L2 có chuyển trả một số

hàng cho Công ty với tổng giá trị tiền hàng là 58.975.000 đồng được trừ vào công nợ. Vì vậy, tính đến thời điểm hiện tại ông Nguyễn Văn L2 còn nợ Công ty N số tiền nợ gốc là 66.670.000 đồng. Tuy nhiên, vấn đề này không được ông L2, ông T thừa nhận.

[3] Về căn cứ khởi kiện: Quá trình tranh chấp, ông Nguyễn Văn L2 thì cho rằng không có giao dịch mua bán gì đối với Công ty N. Việc ông Nguyễn Trung T (con trai ông) có thực hiện hợp đồng mua bán với Công ty N hay không thì ông không rõ. Ông Nguyễn Trung T cũng cho rằng không có giao dịch mua bán gì đối với Công ty N. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty N đã cung cấp 01 USB dung lượng 8GB có chứa 02 đoạn ghi âm hội thoại giữa bà Huỳnh Cẩm L1 với ông Nguyễn Trung T liên quan đến nội dung tranh chấp. Bà L1 gọi đến số điện thoại 0918236556 (của ông Nguyễn Trung T) 02 lần, đối với nội dung cuộc gọi này thì bà L1 là giám đốc Công ty N có đòi tiền, ông L2 tắt máy cuộc gọi đầu, cuộc gọi sau bà L1 gọi cho ông T đòi số tiền nêu trên, ông T cho rằng: "Trời đất ơi, kẹt quá có gì chiều chị điện cho ổng đi, chứ giờ em hết biết rồi". Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định câu nói "chiều chị điện cho ổng đi" có nghĩa là ông Xuân, chứ không phải ông L2. Xét thấy, lời trình bày này là không có cơ sở, bởi lẽ bà L1 (là vợ ông Xuân) gọi điện đòi nợ ông L2 tắt máy, bà L1 gọi tiếp cho ông T, ông T xác định "gọi cho ổng đi", điều này có cơ sở là ông T đề nghị bà L1 đòi nợ ông L2, chứ đối với ông T đang khó khăn không thể trả nợ.

[3.1] Ngoài chứng cứ nêu trên,nguyên đơn còn cung cấp chứng từ ngày 24/01/2017 thể hiện ông Nguyễn Trung T là con ông Nguyễn Văn L2 có chuyển khoản trả cho Công ty số tiền là 20.000.000 đồng để trừ vào số nợ nêu trên thì ông T thừa nhận có ghi các dòng chữ trong Giấy nộp tiền ngày 24/01/2017 là do ông tự viết. Trong đó, dòng nội dung "DL Út Lập chuyển (phí trong) ("DL" có nghĩa là Đại lý Út Lập chuyển) (tuy nhiên phía ông L2 chưa đăng ký Đại lý). Cũng tại Giấy nộp tiền ngày 24/01/2017 thì dòng nội dung khách hàng nhận tiền là Huỳnh Cẩm L1. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng chỉ nợ tiền ông Xuân, nên chuyển trả cho ông Xuân, ông T chuyển tiền vào số tài khoản là bà Huỳnh Cẩm L1 (vợ ông Xuân) là do ông Xuân đề nghị, chứ ông T cho rằng không nợ Công ty N, xét lời trình bày nàylà không phù hợp.

[3.2] Hơn nữa, theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty N số 02/QĐ-BONHIEM, ngày 14/9/2009, tại Điều 1 ông Võ Văn X được bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc phụ trách kinh doanh của Công ty N, tại Điều 2 ông Xuân có trách nhiệm quyền hạn phụ trách toàn bộ hoạt động kinh doanh bán hàng của Công ty, được quyền ký kết thương lượng mua bán với khách hàng. Do đó, việc ông T xác định chỉ giao dịch với ông Xuân là có xảy ra, tuy nhiên việc ông T cho rằng giao dịch với ông Xuân với tư cách ông Xuân làm việc cho Công ty khác là không có căn cứ.

[3.3] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty N có xuất trình các tài liệu giao hàng chuyển hàng hóa về từ Chành xe Hứa Chên chuyển hàng về cho tàu Thanh Tâm để giao hàng cho Đại lý Út Lập (Bút lục từ 38 đến 40).Từ các chứng cứ, tài liệu trên cho thấy đã tồn tại quan hệ mua bán hàng hóa giữa Công ty N với ông

L2, ông T là thực tế đã xảy ra, nên phía ông L2, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty N là phù hợp.

[4] Từ những cơ sở trên, có cơ sở xác định khoản nợ đối với Công ty N là nợ của ông L2, ông T, nên ông L2 và ông T có trách nhiệm trả khoản nợ 83.740.355 đồng (gồm nợ gốc 66.670.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 02/5/2017 đến hết ngày 27/11/2019 là 17.070.355 đồng) như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Ông L2, ông T kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L2, ông T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty N xác định, nếu phía ông L2, ông T thanh toán đủ số tiền còn nợ, thì Công ty sẽ có trích lợi nhuận kinh doanh năm, cũng như hỗ trợ thêm tiền xăng. Xét đây là lời tự nguyện của Công ty N nên được ghi nhận.

[6] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp, nên được giữ nguyên.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*Ông Nguyễn Văn L2 được miễn (do người cao tuổi có đơn xin miễn). Ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty N. Buộc ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Trung T liên đới trả cho Công ty N số tiền còn nợ là 83.740.355 đồng (tám mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn L2 được miễn. Ông Nguyễn Trung T phải chịu là 2.093.508 đồng (hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng). Công ty N không phải chịu, Công ty N đã dự nộp tạm ứng số tiền

1.910.000 đồng (một triệu chín trăm mười nghìn đồng) tại biên lai số 0007325, ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Nguyễn Văn L2 được miễn. Ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0019667 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Phú Tân được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út